

Bản án số: 78/2019/DS-PT

Ngày 19 - 6 - 2019

V/v: *Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu
và hủy Quyết định cá biệt*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Bảo Vĩnh;

Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiệm - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và hủy Quyết định cá biệt”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6240/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1933;

Địa chỉ: Đường Y, khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Bà Võ Thị Hồng L, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số nhà 43, đường T, xóm 19, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

(Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2017); bà Đ, bà L có mặt.

** Bị đơn:*

1. Ông Hoàng Đình Ph, sinh năm 1974;
2. Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1978;

Cùng trú tại đại chi: Số 6, đường C, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
Ông Ph bà H có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T1, chức vụ: chuyên viên Phòng Tài nguyên - Môi trường; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Văn phòng Công chứng số 1, Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh T2, Trưởng văn phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người kháng cáo:*

Nguyên đơn: Ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2017, được bổ sung ngày 11/9/2017 các lời khai và Bản án sơ thẩm, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Đ trình bày:

Bà Hoàng Thị Đ có mảnh đất (gắn liền với nhà) diện tích 121,3m², thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 62, tại khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSD) ngày 13/10/2008 mang tên bà Hoàng Thị Đ. Năm 2014, do tuổi cao, sức yếu bà có ý định cho các con đứng tên mảnh đất; nhưng vì các con bà đang định cư ở nước ngoài (mang quốc tịch Mỹ) nên không đứng tên trong GCNQSD đất được, bà đã nhờ vợ chồng ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H (là em con chú) đứng hộ tên.

Để hợp thức hóa thủ tục, ngày 18/3/2014 bà và vợ chồng ông Ph, bà H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số BS 189465, ngày 21/4/2014 mang tên ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H; nhưng thực chất hợp đồng đó chỉ để hợp thức hóa việc bà nhờ ông Ph bà H đứng tên GCNQSD đất, trên thực tế không có sự chuyển nhượng nên bà vẫn quản lý, sử dụng, sinh sống trên mảnh đất đó từ trước cho đến nay. Nay bà yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng sử dụng đất đó là vô hiệu; đồng thời đề nghị hủy GCNQSD đất mà UBND thành phố V đã cấp cho ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H.

Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Do hợp đồng là giả tạo trên thực tế không phát sinh hiệu lực, không có sự chuyển giao tài sản nên không phát sinh hậu quả. Vì vậy, bà Đ không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Hoàng Đình Ph, bà Trần Thị Thanh H trình bày: Thừa đất số 43, tờ bản đồ số 62 tại khối T, phường H, thành phố V, đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất mang tên ông bà là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Duy L (con trai bà Đ) nhờ vợ chồng ông, bà đứng tên giúp vì ông L định cư ở nước ngoài không đủ điều kiện để được đứng tên trong GCNQSD đất tại Việt Nam. Vì vậy, mọi vấn đề liên quan đến quyền sử dụng thừa đất trên phải do chính ông L là người quyết định, bà Đ không có quyền nên việc bà Đ khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và hủy GCNQSD đất ông bà không đồng ý.

Đại diện UBND thành phố V trình bày: Năm 2014 bà Hoàng Thị Đ làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông Hoàng Đình Ph, bà Trần Thị Thanh H thừa đất số 43, tờ bản đồ số 62, tại khối T, phường H, thành phố V diện tích 121,3m². Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng UBND thành phố V đã cấp GCNQSD đất cho ông Ph, bà H theo đúng quy định pháp luật. Nay bà Đ cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó là giả tạo và yêu cầu hủy GCNQSD đất, UBND thành phố V không đồng ý. Tuy nhiên, nếu cả hai bên đều thừa nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó là giả tạo thì UBND thành phố V đồng ý với yêu cầu của đương sự.

Đại diện Văn phòng Công chứng số 1, Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An trình bày: Ngày 18/3/2014 Văn phòng Công chứng số 1 tiến hành công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được giao kết giữa bà Hoàng Thị Đ với vợ chồng ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H là đúng quy định pháp luật; các đương sự cho rằng có sự giả tạo Văn phòng Công chứng không liên quan nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã áp dụng các Điều 122, 127, 129, 138, 697, 698 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 26, 34, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị Điền. Tuyên xử:

1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/3/2014 giữa bà Hoàng Thị Đ với vợ chồng ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H đối với thừa đất số 43, tờ bản đồ số 62, tại khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An vô hiệu.

2. Hủy Quyết định số: 2108/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và hủy GCNQSD đất số BS 189465 ngày 21/4/2014 của UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An mang tên Hoàng Đình Ph và Trần Thị Thanh H.

3. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự về yêu cầu giải quyết hậu quả

hợp đồng vô hiệu bằng vụ kiện dân sự khác

Ngoài ra Bản án còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/7/2018 bị đơn là ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H, có đơn kháng cáo cho rằng: Bản án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ sót người tham gia tố tụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, đưa đầy đủ người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Các đương sự trình bày:

- Người kháng cáo là ông Ph, bà H trình bày: Cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, như: Vi phạm về thủ tục tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng, các văn bản có sự tẩy xóa; bỏ sót người tham gia tố tụng là ông Phạm Duy L mặc dù ông Ph, bà H đã có đơn yêu cầu nhưng không được chấp nhận; cho bà Võ Thị Hồng L tham gia tố tụng với tư cách là đại diện theo ủy quyền của bà Đ là không đúng, vì theo văn bản ủy quyền thì bà Đ ủy quyền cho bà L tham gia vụ án giải quyết việc tranh chấp tài sản, nhưng đây là vụ án yêu cầu hủy hợp đồng.

Nguồn gốc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 62 tại khối T, phường H, thành phố V có nguồn gốc là của bà Đ, ngày 03/9/3013 bà Đ lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cùng nhà ở trên đất cho ông Phạm Duy L. Tuy nhiên, do anh Linh định cư ở nước ngoài không đủ điều kiện để đứng tên trong GCNQSD đất theo pháp luật Việt Nam, nên anh Linh đã nhờ vợ chồng ông Ph, bà H đứng tên giúp; mọi quyết định liên quan đến quyền sử dụng đất nêu trên do ông L quyết định.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An để giải quyết lại.

- Đại diện cho nguyên đơn cũng như nguyên đơn trình bày: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật, phía bị đơn kháng cáo là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng như: Vi phạm trong việc tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng; Quyết định hoãn phiên tòa không được tổng đạt cho đương sự; bỏ sót người tham gia tố tụng là

ông Phạm Duy L, quá trình giải quyết vụ án, ông Ph bà H có đơn cho rằng tài sản có nguồn gốc là của ông L, nên liên quan đến tài sản do ông L quyết định, tuy nhiên cấp sơ thẩm không chấp nhận và không đưa ông L vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đúng quy định của pháp luật; quá trình giải quyết vụ án các bị đơn đã cố tình vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Ph, bà H cho rằng Tòa án đưa bà L tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không đúng. Tuy nhiên, căn cứ Hợp đồng ủy quyền giữa bà Đ và bà L, được công chứng ngày 05/10/2017 đã thể hiện ý chí của bà Đ ủy quyền cho bà L tham gia giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc vụ án; tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ có mặt và vẫn khẳng định việc ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, nên Tòa án chấp nhận cho bà L tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp với Điều 85, Điều 86, Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện là yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và hủy quyết định cấp GCNQSD đất và GCNQSD đất của UBND thành phố V. Đây là quyết định cá biệt của cơ quan nhà nước cấp huyện về quản lý đất đai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố V mặc dù đã thụ lý, nhưng sau đó đã chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính và khoản 3 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Ngày 13/10/2008 bà Hoàng Thị Đ được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất thửa đất số 43 tờ bản đồ số 62 tại khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An có diện tích 121,3m². Ngày 18/3/2014 bà Đ lập hợp đồng chuyển nhượng/tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho vợ chồng ông

Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H, căn cứ hợp đồng chuyển nhượng/tặng cho quyền sử dụng đất, UBND thành phố V đã tiến hành làm các thủ tục theo quy định và ngày 21/4/2014 UBND thành phố V đã cấp GCNQSD đất số BS 189465 cho ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H. Tuy nhiên, theo nguyên đơn và bị đơn thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này chỉ là hình thức nhờ vợ chồng ông Ph bà H đứng tên hộ; vì theo bà Đ lúc đó do tuổi cao, sức yếu nên bà có ý định chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con trai là Phạm Duy L, nhưng do ông L đang định cư ở nước ngoài, không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất. Do việc chỉ nhờ vợ chồng ông Ph bà H đứng tên hộ trên GCNQSD đất nên trên thực tế bà Đ không bàn giao tài sản là nhà và quyền sử dụng đất cho ông Ph bà H mà vẫn ở và sinh sống trên diện tích đất này cho đến nay, cũng như trước khi lập hợp đồng chuyển nhượng/tặng cho quyền sử dụng đất thì giữa bà Đ với vợ chồng ông Ph bà H có lập một văn bản thỏa thuận về việc nhờ ông Ph bà H đứng tên hộ trong GCNQSD đất; văn bản này được ông Hoàng Đình Ph ký xác nhận và các ông Hoàng Đình Hoài, Hoàng Đình Dũng, Hoàng Đình Kháng, Hoàng Đình Kiên; các con là Hoàng Thị Xuân, Hoàng Thị Như Quỳnh cùng với ông Nguyễn Trọng Thảo khối trưởng là những người chứng kiến, ký xác nhận sự việc. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng/tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Hoàng Thị Đ với ông Hoàng Đình Ph bà Trần Thị Thanh H được lập ngày 18/3/2014 là giả tạo, nên bị vô hiệu.

[4] Đối với yêu cầu hủy GCNQSD đất số BS 189465 cấp cho ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H, cũng như Quyết định cấp GCNQSD đất số: 2108/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND thành phố V về việc cấp GCNQSD đất cho ông Ph bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do hợp đồng chuyển nhượng/tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Hoàng Thị Đ với ông Hoàng Đình Ph bà Trần Thị Thanh H bị vô hiệu do giả tạo và UBND thành phố V lại căn cứ vào hợp đồng này để cấp GCNQSD đất cho ông Ph bà H, nên Quyết định về việc cấp GCNQSD đất, cũng như GCNQSD đất đã cấp cho ông Ph bà H không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, trong trường hợp này UBND thành phố V và Văn phòng Công chứng cũng bị lừa dối nên không có lỗi. Đại diện UBND thành phố V cho rằng: Nếu các đương sự thừa nhận việc chuyển nhượng là giả tạo thì UBND thành phố V đồng ý với yêu cầu của đương sự. Do vậy, bà Đ yêu cầu hủy GCNQSD đất là có căn cứ.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Do hợp đồng ký kết chỉ nhằm mục đích nhờ đứng tên trên GCNQSD đất, nhưng trên thực tế không phát sinh hiệu lực, không có việc chuyển giao tài sản cho nhau nên hậu quả của hợp đồng vô hiệu chưa xảy ra. Do đó các đương sự không yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra để giải quyết ở vụ án khác khi đương sự có yêu cầu là có căn cứ.

[6] Kháng cáo của ông Ph bà H cho rằng, ngày 03/9/2013 bà Đ đã lập hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản trên đất cho ông Phạm Duy L, nên mọi việc liên quan đến thửa đất trên phải do ông L quyết định. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu

có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 29/10/2013 bà Đ lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với ông L; hợp đồng đã được công chứng viên Lê Văn Lan, Văn phòng Công chứng Đất Việt công chứng, nhưng đến ngày 14/3/2014 bà Đ và ông L đã có văn bản hủy bỏ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên và văn bản này cũng được công chứng viên Lê Văn Lan, Văn phòng Công chứng Đất Việt công chứng, nên hợp đồng tặng cho này không còn hiệu lực; việc ông Ph bà H yêu cầu đưa ông L vào tham gia tố tụng, nhưng quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xem xét không có căn cứ nên không chấp nhận là đúng quy định. Hơn nữa, đây là vụ án yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho tài sản vô hiệu giữa bà Đ và ông Ph bà H; nếu ông L cho rằng đây là tài sản của mình thì có quyền khởi kiện vụ án khác để đòi lại tài sản.

[7] Đối với kháng cáo của ông Ph bà H cho rằng, cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc tổng đạt văn bản tố tụng, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tổng đạt, cũng như niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng. Tuy có văn bản tổng đạt chưa kịp thời, chưa đúng trình tự nhưng các đương sự đều biết được nội dung các văn bản đó và đã có ý kiến nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của mình; việc vi phạm này không nghiêm trọng, không làm thay đổi bản chất vụ án nên không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm, nhưng cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện vụ án đảm bảo được quyền lợi và nghĩa vụ của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham dự phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án là không cần thiết.

[8] Án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn dân sự là ông Hoàng Đình Ph, bà Trần Thị Thanh H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Đình Ph và bà Trần Thị Thanh H phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000811 ngày 18/7/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An; xác nhận ông Ph, bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cục THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thái Duy Nhiệm